TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 236/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 5 - 2023
V/v tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về " *Ly hôn* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG.

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phùng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

***- Thư ký phiên toà*:** ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023, về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình *"Ly hôn"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2023/QĐXXST- HN ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H (Ngô Thị H1, sinh năm 1975.
Nơi cư trú: số A, tổ C, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang
2. *Bị đơn*: Anh Trần Hữu H2sinh năm 1970.
Nơi cư trú: số A, tổ C, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang

(Các đương sự xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ theo đơn khởi kiện, biên bản hoà giải các đương sự trình bày như sau:

- Anh chị quen biết tìm hiểu một thời gian được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới năm 1989, đến nay không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thời gian đầu sống hạnh phúc, đến khi sinh con thứ hai thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh H2 có quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác và nhiều lần xúc phạm chị H1, chị H1 nhiều lần góp ý khuyên ngăn nhưng anh H2 không thay đổi, bên cạnh còn mâu thuẫn nhau trong việc cùng lên Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê để kiếm tiền nuôi con ăn học, nhưng anh H2không đồng ý, chị H1đi một mình, nên từ đó vợ chồng ly thân từ tháng 06/2021 cho đến nay. Nay tình cảm không còn chị H1yêu cầu được ly hôn, anh H2cũng đồng ý

- Về con chung: có 02 con chung tên Trần Hữu N sinh năm 1991 và Trần Hữu L 25/5/2000, hiện 02 con chung đã thành niên và tự nuôi sống bản thân nên không yêu

cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: Anh chị đã tham gia phiên công khai chứng cứ và hòa giải có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, anh chị có yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, do đó Hội đồng xét xử vắng mặt anh, chị theo Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh H2 cư trú: ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang. Nên chị H1 khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị H1 yêu cầu ly hôn, nên quan hệ pháp luật tranh chấp là " Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của anh, chị được xác lập năm 1989 do hai người tự tìm hiểu, tự nguyện chung sống, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn, Sau khi cưới thời gian đầu sống hạnh phúc, đến khi sinh con thứ hai thì phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh H2 có quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác và nhiều lần xúc phạm chị H1, chị H1 nhiều lần góp ý khuyên ngăn nhưng anh H2 không thay đổi, anh chị còn mâu thuẩn nhau trong việc tìm kiếm việc làm nhằm tạo thu nhập ổn định cuộc sống, chị H1đòi lên TP .làm thuê, anh H3đồng ý, chị H2bỏ đi kiếm việc làm từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay, từ khi ly thân đến nay anh, chị không tạo điều kiện để hàn gắn với nhau, mà mọi người tự lo cuộc sống riêng cho mình, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do anh chị không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận, vì hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp do vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, do đó để cho anh, chị có cuộc sống riêng, nên hội đồng xét xử không công nhận anh, chị là vợ chồng theo quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về quan hệ con chung, tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh H2 và chị H1 phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H là người xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

- Căn cứ Điều 26; Điều 27; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị H (Ngô Thị H1 và anh Trần Hữu H3 là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung, tài sản và nợ chung: không đặt ra để giải quyết

- Về án phí sơ thẩm: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0006090, ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, anh Trần Hữu H3 không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An G;
- VKSND huyện Phú T;
- C cục THADS huyện Phú T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn C